

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng thụ lý số: 08/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn T - Cán bộ xử lý nợ V1.

Ngân hàng bán nợ cho công ty TNHH một thành viên M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc H - Cán bộ xử lý nợ công ty M1.

Bị đơn: Chị Trần Kim N, sinh năm 1989.

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: M, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: M, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Trần Kim N và chồng là anh Nguyễn Văn Đ phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với V1, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày

11/03/2024 khoản tiền này là: Nợ gốc 1.468.308.903 đồng; Nợ lãi+Phí phạt 117.136.754 đồng; Thẻ tín dụng 43.694.315 đồng; Tổng cộng 1.629.139.972 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu một trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng)

Ngân hàng V1 tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế chị **Trần Kim N** và chồng là anh **Nguyễn Văn Đ** thanh toán hết nợ cho **V1**.

Trường hợp bị đơn chị **Trần Kim N** và chồng là anh **Nguyễn Văn Đ** không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, **V1** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của chị **Trần Kim N** và anh **Nguyễn Văn Đ** để thu hồi nợ cho **V1** là:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 60-2019, tại địa chỉ: **Thôn M, Xã Y, Huyện L, Tỉnh Bắc Giang** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 484332, Số vào sổ cấp GCN CS03002 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh B** cấp ngày 16/10/2019. Chi tiết Hợp đồng thế chấp 353/HĐTC-2021 Số công chứng 669/2021 Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 04/05/2021 tại Văn phòng Công chứng **Nguyễn Văn T1** giữa chị **Trần Kim N** anh **Nguyễn Văn Đ** và **Ngân hàng V1**.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp 353/HĐTC-2021 ký ngày 04/05/2021) số công chứng 1024 quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGC ký ngày 01/07/2022 tại Văn phòng Công chứng **Nguyễn Văn T1** giữa chị **Trần Kim N** anh **Nguyễn Văn Đ** và **Ngân hàng V1**. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của chị **Trần Kim N**, anh **Nguyễn Văn Đ**. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ chị **Trần Kim N** và anh **Nguyễn Văn Đ** vẫn phải tiếp tục trả nợ cho **Ngân hàng TMCP V** cho đến khi các khoản nợ được tất toán. Chị **Trần Kim N** và anh **Nguyễn Văn Đ** phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có)

Thời hạn trả nợ 06/9/2024 chị **N** anh **Đ1** tất toán hết các khoản nợ.

Về án phí: Chị **Trần Kim N** anh **Nguyễn Văn Đ** phải chịu 30.437.099đ án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả **Ngân hàng TMCP V (V1)** số tiền tạm ứng án phí 30.000.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0008154 ngày 27/3/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Về chi phí tố tụng: Chị **N** anh **Đ** chịu cả 8.000.000đ. Chị **N** anh **Đ** phải trả ngân hàng 8.000.000đ chi phí tố tụng Ngân hàng đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lự